

Số: /BC-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 02 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2016-2020; xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025**

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Nghị quyết số 196/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 54/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 tỉnh Lạng Sơn; Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 tỉnh Lạng Sơn, nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch tài chính giai đoạn 2016-2019 và dự kiến kế hoạch năm 2020. Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) Lạng Sơn báo cáo, xin ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2016-2020; xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 như sau:

#### **Phần thứ nhất**

### **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Giai đoạn 2016-2020 là giai đoạn đầu tiên thực hiện Kế hoạch tài chính 5

năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng nhân dân tỉnh; cùng sự nỗ lực phấn đấu cao của cả hệ thống chính trị, của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, trong thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2016-2020 đã đạt được những kết quả tích cực, cụ thể như sau:

## **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

Trong giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh đã chủ động tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính ngân sách; đề xuất với Tỉnh ủy, HĐND các giải pháp về tài chính, ngân sách nhằm ổn định kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng an ninh trong tình hình mới, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, thu hút vốn đầu tư; đồng thời, đã chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra; tích cực trong công tác xây dựng ban hành các chính sách thuộc thẩm quyền theo phân cấp, cải cách thủ tục hành chính nhất là trong lĩnh vực thuế, hải quan, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người nộp thuế.

Chi ngân sách được quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, ưu tiên cho mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng và chi cho con người; quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước đối với mặt hàng quan trọng thiết yếu; huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên các công trình trọng điểm, quan trọng cấp bách, đầu tư phát triển giao thông, nông thôn. Công tác vay trả nợ được kiểm soát, đảm bảo trong hạn mức của Luật Ngân sách nhà nước, việc thanh toán các khoản vay đúng theo quy định.

Hàng năm, UBND tỉnh đã ban hành quyết định về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước để chỉ đạo, điều hành ngân sách nhà nước; các văn bản chỉ đạo trong năm theo tiến độ thực hiện dự toán thu, chi ngân sách. Đồng thời lựa chọn và quyết định phê duyệt nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh, phê duyệt nhiệm vụ trọng tâm cho ngành tài chính với các nhiệm vụ trọng tâm chủ yếu, phù hợp, góp phần thực hiện đạt mục tiêu phát triển kinh tế xã hội đề ra; UBND tỉnh giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành Thuế, Hải quan, Kho bạc nhà nước, Tài chính và các đơn vị liên quan thực hiện đối với công tác xây dựng kế hoạch thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương. Trong đó có nhiệm vụ về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hằng năm cơ bản đều đạt và vượt chỉ tiêu HĐND tỉnh giao.

Công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước đã được các cấp, các ngành quan tâm tập trung chỉ đạo thực hiện bằng các giải pháp tăng cường quản lý thu, chi ngân sách, chống thất thu ngân sách và khai thác các nguồn thu mới; thực hiện chi ngân sách bảo đảm mục tiêu, nhiệm vụ, các quy định của pháp luật về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hiện hành.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**

## **1. Đánh giá việc ban hành các chế độ, chính sách về thu, chi theo thẩm quyền giai đoạn 2016-2020**

Trong giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành tham mưu, trình HĐND tỉnh ban hành các chế độ, chính sách theo từng lĩnh vực quản lý, cụ thể:

### **1.1. Trong lĩnh vực thu ngân sách**

Xây dựng Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017 – 2020<sup>1</sup>. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi về cơ bản đã tạo tính chủ động cho các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xác định, phân bổ và sử dụng nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ chi đã được phân cấp, hạn chế một phần tính phụ thuộc vào ngân sách cấp trên; cơ chế phân cấp đã khuyến khích tính chủ động, tích cực của chính quyền cơ sở trong việc nuôi dưỡng, khai thác nguồn thu, góp phần tạo nguồn thu NSNN trên địa bàn.

Trong giai đoạn đã trình HĐND tỉnh ban hành 28 nghị quyết trong lĩnh vực thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh theo quy định của Luật phí, lệ phí; trong đó, có 02 loại phí, lệ phí (lệ phí trước bạ xe dưới 9 chỗ đăng ký lần đầu và phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản) do Trung ương giao quy định mức thu để làm căn cứ thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh.

*(Có danh mục Nghị quyết về phí, lệ phí tại Biểu số 04 kèm theo).*

Để tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu thành lập Quỹ Đầu tư phát triển Lạng Sơn<sup>2</sup>, triển khai các giải pháp về hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển và chính sách “Chính quyền bảo đảm cho doanh nghiệp vay vốn tại các ngân hàng thương mại để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020” góp phần tháo gỡ khó khăn về vốn cho doanh nghiệp và các chủ đầu tư, từng bước thúc đẩy đầu tư phát triển. Đồng thời, thành lập Quỹ phát triển đất tỉnh Lạng Sơn<sup>3</sup> để góp phần tăng thêm nguồn lực cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và tạo nguồn vốn ngân sách nhà nước để hỗ trợ đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch cho thu hút đầu tư và tăng thu ngân sách.

Tiếp tục thực hiện thu phí sử dụng bến bãi đối với phương tiện vận tải chở hàng hóa ra vào khu vực cửa khẩu, chợ biên giới trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn theo Nghị quyết của HĐND tỉnh<sup>4</sup>. Việc ban hành chính sách về thu phí trên đã

---

<sup>1</sup> Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh về Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa ngân sách các cấp năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017 – 2020 và Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung nội dung tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương quy định tại Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh.

<sup>2</sup> Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 của UBND tỉnh về thành lập Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Lạng Sơn;

<sup>3</sup> Quyết định số 1542/QĐ-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh về thành lập Quỹ phát triển đất tỉnh Lạng Sơn;

<sup>4</sup> Theo Nghị quyết số 95/2012/NQ-HĐND ngày 11/12/2012 của HĐND tỉnh, Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 (thay thế Nghị quyết số 95/2012/NQ-HĐND) và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày

đem lại kết quả tích cực về thu ngân sách trên địa bàn, góp phần tăng thêm nguồn lực chi cho hạ tầng cơ sở tại khu vực cửa khẩu, đường biên giới và các dự án quan trọng cấp bách của tỉnh.

Về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản, thực hiện theo Nghị quyết số 05/2010/NQ-HĐND của HĐND tỉnh đã phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm; góp phần tăng cường phân cấp, tăng tính chủ động cho Thủ trưởng các đơn vị, UBND các cấp trong việc mua sắm, thuê, thanh lý, tiêu hủy, thu hồi, điều chuyển và bán tài sản nhà nước... tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Trong giai đoạn, để tiếp tục tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công, phù hợp với biến động của giá cả thị trường, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành 02 Nghị quyết quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn<sup>5</sup>.

## 1.2. Trong lĩnh vực chi ngân sách

- Lĩnh vực đầu tư phát triển: UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 29/7/2016 về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020, bảo đảm việc phân bổ vốn đầu tư có tính khoa học, khách quan, minh bạch, tăng tính chủ động cho các địa phương và tạo được sự công bằng giữa các huyện, thành phố; là căn cứ để kiểm tra, giám sát việc phân bổ, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đúng mục đích, đối tượng, phát huy hiệu quả. Đồng thời, UBND tỉnh ban hành quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 05/6/2018 của UBND tỉnh quy định về cơ chế phân cấp quản lý thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định về việc ủy quyền quyết định đầu tư, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án nhóm C<sup>6</sup>.

- Lĩnh vực chi thường xuyên: UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 về định mức chi thường xuyên ngân sách năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020. Để bao quát được hết đối tượng, nội dung, nhiệm vụ chi theo các lĩnh vực, đảm bảo các đối tượng đều được hưởng các chế độ, chính sách do các nhà nước quy định. Căn cứ nguồn ngân sách của tỉnh, trong giai đoạn, ngoài các chính sách do Trung ương ban hành và đảm bảo kinh phí cho tỉnh thực hiện, UBND tỉnh đã chủ động trình HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết quy định các chế độ chính

---

12/7/2019 của HĐND tỉnh thay thế Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND về mức thu, cơ quan tổ chức thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

<sup>5</sup> Nghị quyết số 164/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 05/NQ-HĐND; Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 của HĐND tỉnh Ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn

<sup>6</sup> Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 và Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 về Về việc ủy quyền quyết định đầu tư, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án nhóm C

sách theo thẩm quyền. Các chế độ chính sách được xây dựng đảm bảo đúng đối tượng được hưởng, công bằng, công khai minh bạch, không ban hành chính sách khi chưa có nguồn bảo đảm. UBND tỉnh cũng đã chủ động chỉ đạo các cơ quan liên quan xây dựng các chế độ chính sách đặc thù trên địa bàn tỉnh như: Chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2017- 2020; chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất đối với các hộ là người dân tộc thiểu số tại vùng đặc biệt khó khăn; một số cơ chế, chính sách hỗ trợ loại hình giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018- 2025...

Tổng kinh phí chi cho thực hiện các chế độ, chính sách tỉnh ban hành do ngân sách địa phương tự cân đối trong giai đoạn trên 1.200 tỷ đồng. Việc ban hành chính sách góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn trong giai đoạn.

*(Kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, Chương trình, Đề án tỉnh ban hành tại biểu số 05, 06 kèm theo)*

## **2. Đánh giá các kết quả chủ yếu về tài chính ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020**

### **2.1. Tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước**

#### **2.1.1. Kết quả thu ngân sách trên địa bàn**

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2016-2020 thực hiện được là 31.781.359 triệu đồng, bằng 133% so với giai đoạn 2011-2015.

Trong đó: Năm 2016: 6.260.007 triệu đồng; năm 2017: 7.197.602 triệu đồng; năm 2018: 5.487.923 triệu đồng; năm 2019: 6.685.727 triệu đồng; ước thực hiện năm 2020: 6.150.100 triệu đồng.

+ Tổng thu nội địa giai đoạn 2016-2020 là 12.627.136 triệu đồng, bằng 203,8% so với giai đoạn 2011-2015 (Trong đó: Năm 2016: 1.837.395 triệu đồng; năm 2017: 2.408.133 triệu đồng; năm 2018: 2.680.481 triệu đồng; năm 2019: 2.951.027 triệu đồng; năm 2020: 2.750.100 triệu đồng).

Tốc độ tăng thu nội địa bình quân giai đoạn đạt 10,2% (mục tiêu Đại hội Đảng từ 8-9%), như vậy giai đoạn 2016-2020 thực hiện vượt mục tiêu Đại hội Đảng đề ra.

Tổng thu nội địa hằng năm thực hiện vượt chỉ tiêu HĐND tỉnh giao và tăng so với cùng kỳ, tuy nhiên trong cơ cấu thu chủ yếu từ phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu chiếm 23%, tiền sử dụng đất chiếm 20%, thu từ khu vực sản xuất kinh doanh chưa cao chiếm tỷ trọng 36%, tốc độ tăng bình quân qua các năm là 6%, các doanh nghiệp của tỉnh chủ yếu là hoạt động thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu, quy mô hoạt động nhỏ, có tốc độ tăng trưởng chưa cao, chưa có những doanh nghiệp lớn ở các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chưa hình thành Khu công nghiệp lớn, chưa thu hút được các doanh nghiệp đầu tư trong phát triển sản xuất,

kinh doanh, tuy nhiên phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế xã hội trên địa bàn (tốc độ tăng trưởng bình quân trên địa bàn 8%).

+ Thu hoạt động xuất nhập khẩu: Tổng thu hoạt động xuất nhập khẩu giai đoạn 2016-2020 là 18.815.081 triệu đồng, tăng 7% so với giai đoạn 2011-2015. (Trong đó: Năm 2016: 4.422.612 triệu đồng; năm 2017: 4.789.469 triệu đồng; năm 2018: 2.803.000 triệu đồng; năm 2019: 3.702.600 triệu đồng; năm 2020: 3.400.000 triệu đồng).

**\* *Đánh giá chung về các yếu tố tác động đến thu ngân sách:***

UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt các nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, làm tốt công tác quản lý thu, chú trọng khai thác nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế; đẩy mạnh chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại; quyết liệt xử lý nợ thuế; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế,... Đồng thời chú trọng cải cách hành chính, tạo thuận lợi, giảm thời gian, chi phí cho người nộp thuế. UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo thu ngân sách cấp tỉnh; chỉ đạo các huyện, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo thu ngân sách các huyện, thành phố; trong đó tập trung chỉ đạo đẩy mạnh các giải pháp thu ngân sách, tiết kiệm chi; rà soát quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn thu cho đầu tư phát triển.

***a) Yếu tố làm tăng thu:***

- Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự giúp đỡ, hướng dẫn về chuyên môn của Bộ Tài chính; sự giám sát của HĐND tỉnh; vai trò Ban Chỉ đạo thu ngân sách các cấp từ tỉnh đến huyện trong công tác tổ chức, triển khai thực hiện quyết liệt công tác thu ngân sách, tăng cường công tác chống thất thu ngân sách nhà nước.

- Các cấp, chính quyền địa phương; các Ngành, đơn vị đã tích cực đẩy nhanh cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác thu thuế, hải quan theo lộ trình đã đề ra; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến văn bản chính sách thuế; tăng cường đối thoại, hỗ trợ tư vấn pháp luật về thuế cho doanh nghiệp và người dân; tạo môi trường sản xuất kinh doanh thuận lợi để tiếp tục thu hút đầu tư và ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; chỉ đạo các đơn vị thanh tra, kiểm tra thuế, thực hiện truy thu và phạt; tăng cường quản lý và thu đổi công trình hộ xây dựng cơ bản tư nhân, kinh doanh vận tải; triển khai các giải pháp thu hồi và xử lý nợ đọng thuế: Tích cực triển khai các biện pháp đôn đốc thu hồi nợ đọng thuế như: Gọi điện thoại trực tiếp, mời doanh nghiệp đến làm việc, phối hợp với các ngân hàng thương mại để xác minh số dư tài khoản tiền gửi, tập trung đôn đốc thu hồi nợ thuế tại trụ sở doanh nghiệp nợ thuế.

- Đã chỉ đạo các đơn vị tăng cường các biện pháp chống thất thu, quản lý địa bàn, quản lý kê khai và kê toán thuế, hoàn thuế, đăng ký thuế; xử phạt chậm nộp hồ sơ khai thuế.

- Về cơ chế, chính sách: Thực hiện Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thay đổi mức thu thuế Bảo vệ môi trường từ ngày 01/01/2019: Ảnh hưởng làm tăng thu thuế Bảo vệ môi trường; trong giai đoạn HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 20/7/2018 về tăng mức lệ phí trước bạ từ 10% lên 12%; đồng thời thực hiện Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ (LPTB) có hiệu lực thi hành từ ngày 10/4/2019: Số lượng ô tô vừa chở người, vừa chở hàng (ô tô pick-up chở hàng) có khối lượng chuyên chở cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn 1.500 kg và có từ 5 chỗ ngồi trở xuống, tăng tỷ lệ thu phí từ 2% lên 7,2% dẫn đến số thu tăng.

- Đã chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện tốt công tác rà soát quỹ đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh; gắn với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt công tác đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ở những khu vực, địa bàn còn tiềm năng. Qua đó, số thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 tăng qua các năm.

- Về thu xuất nhập khẩu: Trong giai đoạn từ 2016-2020 có sự tăng giảm qua các năm:

+ Năm 2016, 2017 do tình hình kinh tế trong nước đã hồi phục, chính sách tài chính, tiền tệ phần nào cũng tháo gỡ được những khó khăn của doanh nghiệp. Tác động của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế có hiệu lực từ ngày 01/07/2013, phần nào cũng làm tăng số thu ngân sách nhà nước do doanh nghiệp phải nộp thuế ngay trước khi thông quan hàng hoá, tránh tình trạng lợi dụng dây dưa, chây ì, trốn nợ thuế.

Cuối năm 2017, thực hiện Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 436/TTg-CN ngày 28/3/2017 cho phép các doanh nghiệp nhập khẩu, lắp ráp ô tô sử dụng nhiên liệu diezen được thực hiện đến hết ngày 31/12/2017. Do đó kim ngạch nhập khẩu mặt hàng phương tiện vận tải (xe ô tô tải đầu kéo, ô tô tải tự đổ, sơ mi rơ mooc...) tăng, nên số thu thuế phương tiện vận tải tăng so với cùng kỳ, dẫn đến tổng số thu năm 2017 tăng so với năm 2016. Năm 2018 số thu mặt hàng này cũng giảm mạnh do ảnh hưởng của chính sách trên.

+ Năm 2019, thu xuất nhập khẩu ước đạt 121,4% dự toán giao là do chủ yếu là tăng từ số thu hàng hóa xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Hữu Nghị, do một số mặt hàng phương tiện vận tải như xe tải, xe chuyên dùng, ô tô đầu kéo... đã đạt tiêu chuẩn theo Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp nhập khẩu mới. Thị trường ô tô trong nước năm 2019 có dấu hiệu khởi sắc nên nhu cầu về phương tiện vận tải cũng tăng lên, dẫn đến kim ngạch và số thu nhập khẩu của nhóm hàng này tăng.

Ngoài ra còn có một số nhóm hàng như sắt thép và sản phẩm sắt thép, nhôm và sản phẩm của nhôm, máy móc, thiết bị... có số thu tăng đột biến so với

năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu hàng hóa nhập khẩu trong nước tăng và doanh nghiệp nhập khẩu trước khi các chính sách chống bán phá giá có hiệu lực. Cụ thể là Quyết định số 1711/QĐ-BCT ngày 18/6/2019 của Bộ Công Thương có hiệu lực từ ngày 25/6/2019 đối với mặt hàng sắt thép và các sản phẩm từ sắt thép; Quyết định số 1480/QĐ-BCT ngày 29/5/2019 của Bộ Công Thương có hiệu lực từ ngày 05/6/2019 và Quyết định số 2942/QĐ-BCT ngày 28/9/2019 của Bộ Công Thương có hiệu lực từ ngày 04/10/2019...

*b) Yếu tố làm giảm thu:*

- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ; có tốc độ tăng trưởng chưa cao, chưa có những doanh nghiệp lớn ở các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh; hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực dịch vụ, thương mại; do đó tốc độ tăng thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh vẫn đạt thấp, chưa hình thành Khu, cụm công nghiệp lớn, chưa thu hút được doanh nghiệp, xí nghiệp lớn bỏ vốn đầu tư trong phát triển sản xuất kinh doanh.

Trong những năm trở lại đây, một số doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh bến, bãi tại khu vực cửa khẩu, nhiều dự án đã đi vào hoạt động, nhưng số thuế GTGT đầu vào lớn. Đối với khoản thu từ hộ gia đình và cá nhân kinh doanh: Do hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh sử dụng hóa đơn giảm và ảnh hưởng của chính sách cư dân biên giới nên tình hình tiêu thụ hàng hóa Trung Quốc không được sôi động như những năm trước. Hoạt động thương mại ở khu vực cá nhân kinh doanh giảm mạnh, rõ nét nhất tại các chợ Đông Kinh, Tân Thanh, Đồng Đăng; nhiều hộ kinh doanh phải xin nghỉ kinh doanh, miễn giảm thuế.

- Một số doanh nghiệp khai thác khoáng sản do điều chỉnh sản lượng khai thác dẫn đến điều chỉnh lại số tiền cấp quyền khai thác phải nộp ngân sách; hoạt động doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn, số doanh nghiệp ngừng kinh doanh có chiều hướng gia tăng; mặt bằng sản xuất, kinh doanh, vốn vay từ các tổ chức tín dụng vẫn còn hạn chế là khó khăn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Đối với thuế xuất nhập khẩu, trong giai đoạn từ năm 2016-2017 giảm (các mặt hàng giảm thu như phương tiện vận tải, quặng, sắt thép, mỳ chính...), nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của chính sách và tiêu thụ hàng tồn từ các năm trước; riêng năm 2018, số thu hoạt động xuất nhập khẩu giảm mạnh do cơ cấu mặt hàng nhập khẩu qua địa bàn thay đổi theo hướng tỷ trọng các mặt hàng có thuế suất cao giảm rõ rệt nhất là mặt hàng ô tô tải và linh kiện, xe tải đầu kéo, sơ mi rơ moóc, xe bơm bê tông của Trung Quốc (Do Chính phủ đã có Công văn số 436/TTg-CN ngày 28/3/2017 cho phép các doanh nghiệp nhập khẩu, lắp ráp ô tô sử dụng nhiên liệu diezen được thực hiện đến hết ngày 31/12/2017, thực hiện Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới, và doanh nghiệp cần thời gian hoàn thiện thủ tục pháp lý với Bộ Công Thương để được cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô theo quy định tại Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17/10/2017 của Chính



phủ quy định về điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô). Trong đó các mặt hàng xe chuyên dùng, xe tải, xe đầu kéo năm 2018, kim ngạch chỉ đạt 51 triệu USD (giảm 88,6% so với cùng kỳ năm 2017); số thu đạt 123 tỷ đồng (giảm 94,8% so với cùng kỳ năm 2017).

Giai đoạn cuối năm 2019-2020, một số nhóm hàng như sắt thép và sản phẩm sắt thép, nhôm và sản phẩm của nhôm... có số thu không ổn định và có xu hướng giảm dần do chịu ảnh hưởng của chính sách như Quyết định số 1711/QĐ-BTC ngày 18/6/2019 của Bộ Công Thương về việc áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời có hiệu lực từ ngày 25/7/2019 đối với mặt hàng sắt thép và các sản phẩm từ sắt thép; Quyết định số 1480/QĐ-BCT ngày 29/5/2019 của Bộ Công Thương về việc áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời có hiệu lực từ ngày 05/6/2019; Quyết định số 2942/QĐ-BCT ngày 28/9/2019 của Bộ Công Thương về việc áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với mặt hàng nhôm và một số sản phẩm nhôm có xuất xứ từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung hoa có hiệu lực từ ngày 04/10/2019...

Một số nhóm hàng ảnh hưởng của Nghị định số 128/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ về hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2016 - 2018, các mặt hàng nhập khẩu qua địa bàn Lạng Sơn như hàng nông sản, hoa quả,... và các mặt hàng tiêu dùng, máy móc thiết bị,... có C/O form E được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% cũng là nguyên nhân giảm thu ngân sách nhà nước.

2.1.2. Các giải pháp về chính sách và quản lý thu đã triển khai nhằm huy động nguồn thu ngân sách nhà nước

- Trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh Lạng Sơn đã triển khai thực hiện tốt các Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; thực hiện quyết liệt công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, trong đó tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt công tác quản lý thu thuế; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn pháp luật và hỗ trợ người nộp thuế; đẩy mạnh chống buôn lậu gian lận thương mại, trốn thuế, góp phần làm lành mạnh hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, bảo vệ sản xuất trong nước, từ đó tăng thu ngân sách nhà nước, công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế được tăng cường và được thực hiện bằng nhiều hình thức.

- Thành lập Ban Chỉ đạo thu ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, thành phố. Đồng thời chỉ đạo các cơ quan thu tích cực thực hiện cải cách công tác thu, hiện đại hóa quy trình thu, áp dụng nhiều hình thức thu hiện đại để tạo điều kiện tốt nhất trong công tác tập trung thu ngân sách nhà nước; tăng cường kiểm tra chống thất thu trong lĩnh vực quản lý đất đai, kinh doanh, vận tải, khai thác khoáng sản, xây dựng cơ bản, hộ kinh doanh thu mua nông sản, doanh nghiệp kinh doanh bến bãi được thực hiện thường xuyên trên tất cả các địa bàn. Do vậy, kết quả thu trên một số lĩnh vực đã có bước đột phá trong giai đoạn 2016 - 2020, đẩy cao tốc độ thu so với giai đoạn trước, cụ thể:

(1) Tiền sử dụng đất: Số thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 đạt trên 2.500 tỷ đồng, tăng trên 800% so với giai đoạn 2011-2015 (giai đoạn 2011-2015

là 314 tỷ đồng). Số thu tăng qua các năm, cụ thể: Năm 2016 thực hiện 216 tỷ đồng, năm 2017: 389 tỷ đồng, năm 2018: 488 tỷ đồng, năm 2019 ước thực hiện 788 tỷ đồng, năm 2020: 667,5 tỷ đồng.

(2) Phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu: Ước thực hiện giai đoạn 2016-2020 là 2.852,0 tỷ, tăng 62,1% so với giai đoạn 2011-2015 (giai đoạn 2011-2015 thu được: 1.759,5 tỷ đồng). Cụ thể: năm 2016 thu được 488,3 tỷ, năm 2017 thu được 645,2 tỷ, năm 2018 thu được 651,8 tỷ, năm 2019 thu được 580 tỷ, ước thực hiện năm 2020: 486,6 tỷ.

(3) Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mới được thực hiện từ năm 2014: Cả giai đoạn 2016 - 2020 thu được 188,174 tỷ đồng (giai đoạn 2011-2015 là 1,259 tỷ đồng).

(4) UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo thu ngân sách nhà nước các cấp đã chỉ đạo thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; hỗ trợ, khuyến khích các hộ kinh doanh chuyển đổi thành lập doanh nghiệp. Tổ chức hội nghị gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp để lắng nghe, tiếp thu và giải quyết kịp thời những vấn đề vướng mắc của doanh nghiệp. Một số công tác đã được chỉ đạo quyết liệt, mang lại hiệu quả tích cực, như:

+ Nợ tiền sử dụng đất: Theo quy định của Luật Đất đai, hộ gia đình, cá nhân có khó khăn về tài chính thì được ghi nợ khi chuyển mục đích sử dụng đất. Qua nhiều năm, hầu hết các gia đình, cá nhân chưa nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước. Trong giai đoạn các cơ quan đã thực hiện thu nợ được là 265 tỷ đồng, trong đó: Năm 2017 là 54 tỷ đồng, năm 2018 là 110 tỷ đồng, năm 2019 là 101 tỷ đồng.

+ Công tác chống thất thu ngân sách nhà nước được tăng cường, cơ quan quản lý thu đã phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành và chính quyền địa phương. Kết quả:

Công tác phối hợp quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu qua việc dán tem, kẹp chì đồng hồ đo: Năm 2017 sản lượng bán ra kê khai tăng 13,2% (tăng 10,7 triệu lít xăng, dầu), số thuế nộp tăng 6 % (tăng 7 tỷ đồng) so với năm 2016. Năm 2018, sản lượng bán ra kê khai tăng 1,3% (tăng 2 triệu lít xăng, dầu), số thuế nộp tăng 7,3% (tăng 9 tỷ đồng) so với năm 2017.

Công tác quản lý hộ xây dựng cơ bản tư nhân năm 2017 thu được 1.188 công trình, số thuế nộp ngân sách nhà nước được 8,17 tỷ đồng, tăng 301,5% so với năm 2016. Năm 2018, thu được 1.498 công trình, số thuế nộp ngân sách nhà nước được 9,8 tỷ đồng. 9 tháng năm 2019 thu được 1.005 công trình, số thuế nộp ngân sách nhà nước được 6,7 tỷ đồng.

Năm 2017, thu được 9 tỷ đồng tiền nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản các năm trước.

Quản lý thu đối với hoạt động cho thuê tài sản: Năm 2018 đưa vào quản lý 37 hộ, số thuế 1.191 triệu đồng. 9 tháng năm 2019 đưa vào quản lý 49 hộ, số thuế thu được 920 triệu đồng...

(5) Qua công tác thanh tra, kiểm tra: Năm 2016 thực hiện 417 cuộc thanh kiểm tra, tăng thu 9.925,3 tỷ đồng, giảm lỗ 11,9 tỷ đồng, giảm khấu trừ 950,9 triệu đồng; năm 2017 thực hiện 441 cuộc thanh kiểm tra, truy thu 18,5 tỷ đồng; giảm khấu trừ 3,97 tỷ đồng, giảm lỗ 57,39 tỷ đồng; năm 2018 thực hiện 390 cuộc thanh kiểm tra, truy thu 21,96 tỷ đồng; giảm khấu trừ 5,96 tỷ đồng, giảm lỗ 87,39 tỷ đồng; 9 tháng năm 2019 thực hiện 208 cuộc thanh kiểm tra, thu và phạt 7,46 tỷ đồng, giảm lỗ 24,26 tỷ đồng, giảm khấu trừ 9 tỷ đồng.

(6) Công tác quản lý kê khai và kế toán thuế, đăng ký thuế, hoàn thuế, xử phạt chậm nộp hồ sơ khai thuế: Năm 2016 xử phạt 241 trường hợp chậm nộp hồ sơ khai thuế, số tiền 410 triệu đồng. Năm 2017, thực hiện xử phạt chậm nộp hồ sơ khai thuế 504 trường hợp, số tiền phạt 391 triệu đồng. Thực hiện 9 tháng đầu năm 2019, xử phạt 585 trường hợp, số tiền 448 triệu đồng.

Triển khai các biện pháp thu hồi và xử lý nợ đọng thuế: Xác minh tài khoản tiền gửi, xác minh tình trạng hoạt động, địa chỉ của doanh nghiệp tại cơ quan Thuế, cơ quan Công an, các Ngân hàng thương mại, Sở Kế hoạch và Đầu tư; phối hợp cơ quan thuế thực hiện biện pháp cưỡng chế thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thu hồi giấy phép kinh doanh; kiên quyết áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế đối với các trường hợp cố tình chây ì, nợ đọng kéo dài.

Tích cực xử lý nợ của các đối tượng bỏ trốn, mất tích qua công tác xác minh tài sản, xác minh số dư tài khoản qua sổ chứng minh thư nhân dân... Phối hợp với cơ quan Công an xác minh nhân thân chủ doanh nghiệp, thành viên góp vốn trong các Công ty TNHH, Công ty cổ phần.

+ Những khó khăn liên quan đến việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được Ban Chỉ đạo thu ngân sách quan tâm, giao cho các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tham mưu giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp nộp dần số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách nhà nước.

+ Một số dự án thuê đất có vướng mắc, khó khăn đã được Ban Chỉ đạo thu ngân sách xem xét, tháo gỡ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp sớm đưa dự án vào hoạt động, như: Một số bến bãi tại khu vực cửa khẩu, dự án trồng rừng, sản xuất ván ép...

(7) Trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, giao chỉ tiêu cụ thể cho từng đơn vị, đồng thời quyết liệt triển khai nhiều giải pháp nhằm tăng thu ngân sách nhà nước bằng việc xây dựng kế hoạch giải pháp thu cụ thể; đề xuất các giải pháp về chính sách, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu; thường xuyên, liên tục nắm bắt diễn biến tình hình tại cửa khẩu, hỗ trợ doanh nghiệp thông qua hình thức nộp thuế điện tử và thông quan 24/7; cung cấp đường dây nóng hỗ trợ 24/7 để chủ động kịp thời đưa ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn,

vướng mắc cho doanh nghiệp và hoạt động xuất nhập khẩu; tổ chức rà soát nguồn thu, chống thất thu qua tham vấn giá, xác định trị giá tính thuế, kiểm tra sau thông quan; tăng cường phối hợp với các ngành trong công tác chống buôn lậu, ngăn ngừa, kiểm tra, phát hiện các hành vi gian lận thương mại; tập trung rà soát, phân loại các nhóm nợ, tăng cường các giải pháp thu hồi nợ đọng thuế, hạn chế thấp nhất nợ thuế mới phát sinh trong năm.

Chủ động phối hợp và thực hiện tốt công tác nắm bắt thông tin giá cả thị trường về giá các mặt hàng để xác định giá khởi điểm phù hợp và sát với giá thị trường vừa đảm bảo thu hút được các nhà đầu tư (khách hàng) đồng thời không bị thất thu cho NSNN; tăng cường công tác giám sát đối với các hoạt động bán đấu giá tài sản.

- Thành lập Quỹ Phát triển đất để góp phần tăng thêm nguồn lực cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và tạo nguồn vốn ngân sách nhà nước để hỗ trợ đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch cho đầu tư phát triển.

### 2.1.3. Tình hình thực hiện và quản lý về thu phí, lệ phí

#### *\* Kết quả thực hiện:*

Tổng thu phí, lệ phí giai đoạn 2016-2020 là 3.160.784 triệu đồng, trong đó: Năm 2016: 527.444 triệu đồng; năm 2017: 712.667 triệu đồng; năm 2018: 722.386 triệu đồng; năm 2019 ước thực hiện: 637.287 triệu đồng; năm 2020: 561.000 triệu đồng.

#### *\* Đánh giá về công tác quản lý thu, chi phí lệ phí trên địa bàn:*

- Nhìn chung công tác quản lý thu phí, lệ phí đều được triển khai thực hiện tích cực và hoàn thành theo đúng tiến độ; việc chấp hành kê khai nộp ngân sách đối với các khoản phí, lệ phí: Các đơn vị được giao nhiệm vụ thu các khoản phí, lệ phí nộp hồ sơ khai thuế, chấp hành và nộp ngân sách đầy đủ theo quy định.

- Mức thu phí, lệ phí được thực hiện công khai, niêm yết tại trụ sở, cơ quan nơi làm việc tạo điều kiện cho người nộp phí, lệ phí hiểu rõ hơn những quy định về phí, lệ phí bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Các đơn vị sử dụng biên lai, ấn chỉ thu theo quy định. Một số đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí thuộc NSNN sử dụng biên lai, ấn chỉ thu theo quy định tại Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước. Một số đơn vị khác thu các khoản phí, lệ phí không thuộc NSNN sử dụng hóa đơn theo quy định tại Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ, kê khai và nộp thuế theo luật quản lý thuế.

- Các khoản thu, chi ngân sách nhà nước mà chế độ quy định thực hiện hạch toán ghi thu ghi chi được các cơ quan tài chính hoàn thành thủ tục ghi thu, ghi chi theo đúng quy định hiện hành, số chưa được ghi thu được tiếp tục theo dõi quản lý để ghi thu vào ngân sách nhà nước. Việc thu các khoản phí, lệ phí được để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước đã tạo được giảm bớt

những khó khăn về nguồn kinh phí chi từ NSNN; qua thực hiện các đơn vị được giao thu các khoản thu phí, lệ phí được để lại quản lý và sử dụng đều chấp hành nghiêm túc việc quản lý, sử dụng các khoản thu được để lại theo quy định của từng ngành, lĩnh vực quản lý theo các văn bản hướng dẫn hiện hành.

## **2.2. Về chi ngân sách**

### **2.2.1. Kết quả chi ngân sách địa phương**

- Về tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 là 54.444.264 triệu đồng, đạt 114,2% so với kế hoạch, tăng 43,3% so với giai đoạn 2011-2015. Trong đó: Năm 2016: 9.538.530 triệu đồng; năm 2017: 10.677.776 triệu đồng; năm 2018: 11.777.849 triệu đồng; năm 2019: 10.721.816 triệu đồng; năm 2020: 11.728.293 triệu đồng.

- Về cơ cấu chi: Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 là 54.444.264 triệu đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển là 8.234.561 triệu đồng, chiếm 15,1% tổng chi NSDP; chi thường xuyên là 33.445.262 triệu đồng, chiếm 61,4% tổng chi NSDP; chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền vay là 3.558 triệu đồng.

### **2.2.2. Đánh giá tình hình chi ngân sách**

Chi ngân sách trên địa bàn tỉnh đã được điều hành chủ động, linh hoạt với chủ trương chặt chẽ, tiết kiệm, đảm bảo đúng định mức, chế độ từ khâu phân bổ dự toán cho đến quá trình thực hiện; công khai, minh bạch trong phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước. Cơ cấu chi ngân sách chuyển dịch tích cực, giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển. Các nhiệm vụ chi ngân sách cũng đảm bảo cân đối đủ nguồn để thực hiện theo dự toán giao, đáp ứng nhiệm vụ của đơn vị sử dụng ngân sách và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, bổ sung nguồn lực xử lý kịp thời các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đảm bảo an sinh xã hội,... Dự phòng ngân sách các cấp được sử dụng đúng mục đích, đúng quy định.

#### **(1) Đối với chi đầu tư phát triển:**

- Tổng chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương các năm 2016, 2017, 2018 năm sau cao hơn năm trước là do hằng năm được bổ sung kế hoạch vốn từ nguồn tăng thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu. Kết quả giải ngân nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương đạt cao so với kế hoạch (năm 2016 là 95%, năm 2017 là 87%, năm 2018 là 99% và ước năm 2019 là 99%).

Công tác kiểm soát, thanh toán vốn đầu tư được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, Kho bạc nhà nước Lạng Sơn đã rút ngắn thời gian kiểm soát chi từ 7 ngày theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC phân đầu giảm xuống còn 01 ngày theo Công văn số 4025/KBNN-KSC ngày 17/8/2018 của Kho bạc nhà nước. Thông qua công tác kiểm soát chi đầu tư phát triển từ năm 2016 đến nay đã từ chối thanh toán 4,7 tỷ đồng, tiết kiệm cho ngân sách. Năm 2019 thực hiện Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐND đối với phương tiện vận tải, sang tải bến bãi không đi vào nội địa do Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng-Lạng Sơn thu và được để lại 60% trong tổng số thu để trang trải chi phí cho công tác tổ chức thu phí và bù đắp chi phí duy tu, cải tạo, nâng cấp, duy trì các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực cửa khẩu, số còn lại 40% nộp vào ngân sách nhà nước dẫn đến số chi giảm.

- Công tác quyết toán dự án hoàn thành được thực hiện đúng đơn giá, định mức, chế độ; giá trị khối lượng thực hiện một số nguồn vốn đạt khá như: Vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn Chương trình xây dựng nông thôn mới, vốn NSTW hỗ trợ các chương trình mục tiêu; kế hoạch giao vốn thấp so với tổng mức đầu tư được duyệt; công tác kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ, tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng công trình xây dựng đã được lãnh đạo tỉnh quan tâm, chỉ đạo quyết liệt; tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản đã từng bước được tập trung xử lý, khắc phục; nguồn thu sử dụng đất và nguồn vượt thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khu vực cửa khẩu được ưu tiên dành để bổ sung kế hoạch vốn đầu tư đối với các công trình, dự án trọng điểm.

- Công tác thẩm tra quyết toán vốn đầu tư được thực hiện nghiêm túc, trong giai đoạn 2016-2020 ước thẩm tra, phê duyệt quyết toán 3.635 công trình, dự án hoàn thành, với giá trị quyết toán được phê duyệt là 20.824 tỷ đồng, giảm 94,7 tỷ đồng so với giá trị đề nghị quyết toán (tương ứng 0,45%).

*(Chi tiết Số công trình, giá trị quyết toán các năm tại Biểu số 07 kèm theo).*

(2) Đối với chi thường xuyên:

+ Trong công tác phân bổ dự toán chi thường xuyên, thực hiện phân bổ theo tiêu chuẩn, định mức do HĐND tỉnh ban hành và các chế độ chính sách phát sinh ngoài định mức, đảm bảo mức phân bổ dự toán theo quy định đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, sự nghiệp môi trường, không thấp hơn dự toán trung ương giao.

+ Điều hành trong phạm vi dự toán được giao, theo đúng mục tiêu, đối tượng, định mức, chế độ. Đảm bảo nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội, các nhiệm vụ chính trị, chính sách do tỉnh ban hành; hỗ trợ nguồn lực thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ xi măng giao thông nông thôn, công tác diễn tập phòng thủ, trang thiết bị tài sản và dành nguồn sửa chữa trụ sở một số cơ quan đã xuống cấp... Tăng cường kỷ luật tài chính, điều hành ngân sách chặt chẽ, triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách, rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết. Từng bước cơ cấu lại ngân sách gắn với sắp xếp, tinh gọn bộ máy hoạt động trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Hằng năm, đã chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi, chủ động bố trí các nhiệm vụ chi gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Chủ động sử dụng dự phòng, quỹ dự trữ tài chính và các nguồn lực hợp pháp khác của địa phương

để xử lý các nhiệm vụ chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, các nhiệm vụ chính trị đối ngoại, an sinh xã hội và cơ chế, chính sách phát triển kinh tế xã hội.

+ Trong điều hành ngân sách, tiếp tục rà soát trình HĐND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các chính sách, chế độ chi NSNN, góp phần hoàn thiện thể chế, tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN, đảm bảo chi trong phạm vi dự toán HĐND tỉnh quyết định. Đồng thời, ban hành các văn bản hướng dẫn, đôn đốc các ngành, đơn vị; các huyện, thành phố về việc điều hành NSNN, thực hiện chi thường xuyên, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản từ nguồn NSNN.

+ Trong cơ cấu lại ngân sách nhà nước: UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng, các huyện, thành phố triển khai các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện cụ thể. Hằng năm trong giao dự toán đầu năm, đã tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, chủ động thực hiện rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi của các đơn vị dự toán tỉnh, các huyện, thành phố.

+ Đối với quản lý nợ công: ưu tiên bố trí nguồn vốn từ nguồn xây dựng cơ bản tập trung, một phần từ nguồn vượt thu ngân sách hằng năm (thu nội địa), nguồn thu tiền sử dụng đất để hoàn trả các khoản ngân sách tỉnh còn nợ theo đúng cam kết với các bộ, ngành Trung ương; đồng thời xây dựng kế hoạch xử lý nợ xây dựng cơ bản đến năm 2020.

+ Tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong công tác kiểm soát chi thường xuyên đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được duyệt. Kho bạc nhà nước Lạng Sơn thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính, triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, 100% hồ sơ kiểm soát chi sẽ giao nhận trực tuyến qua dịch vụ công Kho bạc nhà nước vào năm 2020 góp phần rút ngắn thời gian kiểm soát chi, công khai, minh bạch trong công tác kiểm soát chi. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đã được quan tâm trên tất cả các mặt, thực hiện tốt cơ chế quản lý tài chính, triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ cụ thể, rõ ràng, công khai các định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu trong các đơn vị sử dụng ngân sách. Thực hiện tiết kiệm ngay từ khâu phân bổ sự toán và trong quá trình thực hiện dự toán, thường xuyên phổ biến, quán triệt các quy định của Trung ương và của tỉnh đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, qua đó khắc phục những hạn chế, từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2.3. Kinh phí cắt giảm được do gắn với tinh giản biên chế, việc thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP

a) Kết quả thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy, thu gọn đầu mối, tinh giản biên chế, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, thôn tổ dân phố chưa đạt tiêu chuẩn giai đoạn 2017 – 2019, ước thực hiện 2020.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, cán bộ của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, trong đó xác định rõ những nhiệm vụ quan trọng cần thực hiện theo lộ trình và thực hiện thường xuyên; tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn, giảm đầu mối trực thuộc các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị từ tỉnh đến cơ sở, rà soát, sắp xếp lại các tổ chức bên trong theo hướng tinh gọn đầu mối; kiên quyết cắt giảm số lượng các tổ chức trùng lặp chức năng, nhiệm vụ; sắp xếp lại phòng, chi cục, trung tâm, ban quản lý dự án và đơn vị sự nghiệp trực thuộc; sáp nhập, sắp xếp, giảm số lượng các ban chỉ đạo tỉnh. Năm 2017 tỉnh triển khai các bước, quy trình thực hiện, do vậy chưa có kết quả thực hiện. Kết quả thực hiện năm 2018 cụ thể như sau:

- Số lượng các đơn vị sắp xếp lại tổ chức, thu gọn bộ máy: 31 đơn vị
- Số lượng biên chế tinh giản: 25 người.
- Số lượng các đơn vị cấp huyện, cấp xã, thôn, tổ dân phố chưa đạt tiêu chuẩn phải sắp xếp theo Đề án địa phương phê duyệt giai đoạn 2019 - 2020:
  - + Cấp xã dự kiến sắp xếp 51 đơn vị hành chính, dự kiến giảm 26 đơn vị hành chính.
  - + Cấp thôn, tổ dân phố: Sáp nhập 537 thôn, khối phố thành 249 thôn, khối phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Đến thời điểm hiện nay, tỉnh đã ban hành đề án số 08/ĐA-UBND ngày 29/8/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021 của tỉnh Lạng Sơn. Đề án này đã được gửi Chính phủ xem xét thẩm định. Sau khi Đề án được thẩm định và hoàn thiện đầy đủ các bước theo quy trình, UBND tỉnh tiếp tục báo cáo nguồn kinh phí tiết kiệm được theo quy định.

- Thực hiện rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ trên địa bàn tỉnh đã tiết kiệm được 2.436 triệu đồng, để bổ sung thêm nguồn lực thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở và bổ sung vào nguồn chi trả các chính sách an sinh xã hội do địa phương ban hành và tăng chi cho nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất.

#### b) Tình hình thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP

- Trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các cấp ngân sách rà soát thực hiện giảm trừ vào định mức và dự toán hàng năm với tổng số kinh phí đã giảm trừ các đơn vị dự toán khối tỉnh, các huyện, thành phố giai đoạn 2016-2020 là: 421.114 triệu đồng<sup>7</sup> (cụ thể: năm 2016: 11.262 triệu đồng; năm 2017: 99.847 triệu đồng; năm 2018: 118.568 triệu đồng; ước thực hiện năm 2019: 116.878 triệu đồng; ước thực hiện năm 2020: 74.556 triệu đồng).

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh: 837 đơn vị, trong đó: Số đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo, dạy nghề: 728 đơn vị;

<sup>7</sup> Giảm trừ do giảm biên chế; giảm kinh phí tiền lương đã được kết cấu trong giá dịch vụ khám, chữa bệnh; giảm do sát nhập thôn, khối phố; giảm nhiệm vụ chi...



đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế: 20 đơn vị; đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực văn hóa thông tin, thể dục thể thao: 18 đơn vị; đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác: 67 đơn vị; đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực Thông tin truyền thông và báo chí: 03 đơn vị và đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực Khoa học và công nghệ: 01 đơn vị.

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập đã được giao thực hiện chế độ tự chủ tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP giai đoạn 2018-2020: 827 đơn vị (10 đơn vị chưa được giao thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định do trong năm đơn vị mới được thành lập hoặc tổ chức lại do đó chưa xây dựng phương án tự chủ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định). Trong đó:

- + Đơn vị tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư: 03 đơn vị;
- + Đơn vị tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên: 20 đơn vị;
- + Đơn vị tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên: 45 đơn vị;
- + Đơn vị sự nghiệp do NSNN đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên: 759 đơn vị.

Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế và nhân sự theo quy định; triển khai thực hiện tốt công tác tổ chức bộ máy; quản lý, sử dụng có hiệu quả biên chế được cấp có thẩm quyền giao, chủ động ký hợp đồng thuê, khoán công việc đối với những công việc không cần thiết bố trí biên chế thường xuyên, ký hợp đồng lao động để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

Tuy nhiên, số thu của các đơn vị sự nghiệp hàng năm không lớn, nguồn thu chủ yếu thu từ phí, lệ phí, thu dịch vụ (học phí đối với sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề), định mức giao chi thấp, tiền lương và các khoản có tính chất lương chiếm tỷ lệ cao (sự nghiệp giáo dục chiếm khoảng trên 80%; các sự nghiệp khác tiền lương chiếm 71,5% trong tổng số kinh phí chi thường xuyên, đơn vị còn phải tiết kiệm 10% định mức chi thường xuyên được giao để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định, phải tự đảm bảo kinh phí chi cho Hợp đồng lao động, việc huy động vốn để sử dụng hoạt động dịch vụ chưa được khai thác thực hiện, ngoài số phải nộp NSNN theo quy định (đối với một số loại phí, lệ phí) sau khi trừ chi phí phục vụ thu, số còn lại phải thực hiện trích nguồn cải cách tiền lương theo quy định nên còn có những khó khăn nhất định.

Ngoài ra, cơ chế quản lý và phương thức hoạt động của các đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công lập chưa được đổi mới đồng bộ dẫn đến chất lượng và hiệu quả cung ứng các dịch vụ sự nghiệp còn hạn chế; hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật của từng lĩnh vực sự nghiệp chậm được ban hành, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện; một số đơn vị sự nghiệp công lập trong quản lý tài chính chưa đảm bảo theo các nguyên tắc hạch toán kinh tế đầy đủ. Quy chế chi tiêu nội bộ, phân phối thu nhập còn mang tính bình quân, chưa thật sự khuyến khích người lao động; một số đơn vị sự nghiệp công lập khi mở rộng hoạt động dịch vụ còn

chạy theo số lượng mà không quan tâm đến chất lượng hoạt động, lạm dụng kỹ thuật để tăng thu... việc đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập còn hạn chế

### **2.3. Về xử lý nợ xây dựng cơ bản**

Thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn đầu tư công, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh đã tổng hợp, xây dựng phương án xử lý nợ đọng báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư để chỉ đạo. Trong quá trình thực hiện đầu tư công với nguồn vốn khó khăn UBND tỉnh hằng năm đều chỉ đạo rà soát, tổng hợp nợ xây dựng cơ bản báo cáo tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh đầu năm cũng như giữa năm, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư; tổ chức rà soát và chỉ đạo việc thanh toán nợ đọng theo thứ tự ưu tiên.

Đồng thời, xin ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và tổ chức rà soát tất cả các công trình dự án chia ra làm 02 nhóm trên 80 tỷ và dưới 80 tỷ đồng để xem xét dừng, giãn tiến độ, giảm quy mô dự án khi chưa thực sự cần thiết trong giai đoạn 2016-2020 để phù hợp với khả năng cân đối vốn ngân sách Trung ương cũng như ngân sách địa phương.

Ngoài ra, hằng năm bố trí từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương tối thiểu 2 tỷ đồng để Kho bạc nhà nước tỉnh chủ động thanh toán dứt điểm cho các dự án đã phê duyệt quyết toán có giá trị nợ dưới 200 triệu đồng.

Kết quả xử lý nợ xây dựng cơ bản như sau:

#### **2.3.1. Nợ đọng xây dựng cơ bản đến 31/12/2014**

Số nợ đọng đến hết 31/12/2014 do địa phương quản lý là 756.1 tỷ đồng, bao gồm: Nợ của 212 dự án thuộc các nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, Chương trình mục tiêu quốc gia là 745,4 tỷ đồng, nợ các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững là 10,7 tỷ đồng.

Theo lộ trình tỉnh sẽ xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản trong giai đoạn 2016-2020, đến nay đã bố trí kế hoạch vốn xử lý dứt điểm số nợ trên.

#### **2.3.2. Nợ khối lượng xây dựng cơ bản**

Ngoài số nợ đọng tính đến 31/12/2014 đã rà soát ở trên, số nợ khối lượng hoàn thành xác định hết ngày 31/12/2015 là 1.238 tỷ đồng của trên 300 dự án, đến 31/12/2016 số nợ là 1.261,7 tỷ đồng, 31/12/2017 số nợ là 1.251,5 tỷ đồng, đến 31/12/2018 còn nợ là 1.671 tỷ đồng.

Để xử lý số nợ xây dựng cơ bản trên, hạn chế phát sinh nợ mới tỉnh đã có những giải pháp hết sức cụ thể, trong công tác huy động vốn (tăng thu, tiết kiệm chi, rà soát đầu giá các quỹ đất công, cơ sở nhà đất sử dụng không hiệu quả...); chỉ đạo triển khai quyết liệt việc rà soát, cắt giảm quy mô các công trình dự án, kết quả:

- Đối với các dự án trên 80 tỷ đồng: Dừng triển khai 03 dự án khoảng 990 tỷ đồng; Giảm quy mô, giãn tiến độ: 13 dự án với tổng mức đầu tư giảm 2.242 tỷ đồng.

- Đối với các dự án có tổng mức đầu tư dưới 80 tỷ đồng: Giảm quy mô 11 dự án, tổng mức giảm 141,7 tỷ đồng; giãn tiến độ thực hiện 12 dự án sau 2020, tổng mức đầu tư khoảng 283 tỷ đồng.

Tổng mức đầu tư các dự án sau cắt giảm, giãn tiến độ khoảng 3.656 tỷ đồng.

Đối với số nợ tính đến hết ngày 31/12/2018, trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh đã dự kiến bố trí thanh toán 1.253,5 tỷ đồng, đạt 75% tổng số nợ, số còn lại 417,5 tỷ đồng chưa có trong Kế hoạch trung hạn được giao. Trong kế hoạch 2019 đã bố trí thanh toán các khoản nợ của các dự án này được 872 tỷ đồng, số nợ khối lượng hoàn thành còn lại tính đến hết 6 tháng đầu năm 2019 là 799 tỷ đồng.

- Dự ước hết năm 2020 phải chuyển sang giai đoạn sau để thanh toán số nợ khối lượng hoàn thành các dự án khoảng hơn 1.500 tỷ đồng, trong đó nợ một số dự án hoàn thành lớn như: Hệ thống trạm bơm điện Yên Bình - Hòa Bình - Quyết Thắng khoảng 90 tỷ đồng; Đường Hữu Nghị - Bảo Lâm khoảng 70 tỷ đồng; Nhà nghỉ nhà khách A1 khoảng 60 tỷ đồng; Đường giao thông khu phi thuế quan, giai đoạn I, huyện Văn Lãng 47 tỷ đồng; Đường phục vụ xuất nhập khẩu đầu nối cửa khẩu Tân Thanh (VN) với khu kiểm soát Khả Phong (TQ) 26 tỷ đồng; Đường Bản Nặm - Bình Độ - Đào Viên khoảng 100 tỷ đồng; khu tái định cư và dân cư Nam thành phố khoảng 98 tỷ đồng; Cầu Kỳ Cùng thành phố Lạng Sơn khoảng 100 tỷ đồng (không bao gồm GPMB khu phía Bắc đầu cầu);...

Như vậy, việc xử lý nợ xây dựng cơ bản mặc dù được quan tâm chỉ đạo, thực hiện bằng nhiều biện pháp tuy nhiên xuất phát từ nhu cầu sử dụng về cơ sở hạ tầng đảm bảo cho phát triển kinh tế, an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh cho nên hàng năm vẫn phát sinh nợ mới. Đối với số nợ xây dựng cơ bản giai đoạn 2016-2020, tỉnh sẽ sắp xếp, xử lý trong những năm đầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

#### **2.4. Tình hình thực hiện cổ phần hóa và bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh**

- Tổng số doanh nghiệp có vốn nhà nước còn lại hiện nay do UBND tỉnh Lạng Sơn quản lý là 05 doanh nghiệp. Trong đó: Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước: 02 doanh nghiệp; Công ty cổ phần có vốn nhà nước: 03 doanh nghiệp.

- Tình hình thoái vốn tại doanh nghiệp

Tình hình thực hiện thoái vốn nhà nước theo Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017-2020:

+ Năm 2017: Thoái vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và Đô thị Lạng Sơn. Đây là doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa năm 2015, nhà nước không nắm giữ cổ phần nhưng do không bán hết cổ phần do đó nhà

nước nắm giữ tỷ lệ là 7,63% vốn điều lệ. Tỉnh Lạng Sơn đã thực hiện thoái hết phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong quý III/2017.

+ Năm 2019: Thực hiện thoái vốn nhà nước tại 02 doanh nghiệp (Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn, dự kiến tỷ lệ tối thiểu thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 15% so với vốn điều lệ; Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông, dự kiến tỷ lệ tối thiểu thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 37,33% so với vốn điều lệ).

+ Năm 2020: Thực hiện thoái vốn nhà nước tại 01 doanh nghiệp (Công ty cổ phần Chợ, dự kiến tỷ lệ thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 35,08% so với vốn điều lệ).

Để đảm bảo công tác thoái vốn theo đúng quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ban hành các Quyết định về phê duyệt dự toán chi phí thực hiện thoái vốn nhà nước; phê duyệt Kế hoạch mua sắm và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Tư vấn thẩm định giá xác định giá khởi điểm chuyển nhượng vốn; tư vấn xây dựng phương án chuyển nhượng vốn và tư vấn thực hiện bán cổ phần nhà nước tại Công ty cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn và Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông Lạng Sơn.

Hiện nay người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có phần vốn góp nhà nước đang phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp, xác định giá khởi điểm một cổ phần khi thực hiện chuyển nhượng cổ phần để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định làm cơ sở triển khai thực hiện các nội dung theo kế hoạch thoái vốn đã được phê duyệt.

Công tác triển khai thực hiện thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy trình, thủ tục và đảm bảo công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong và ngoài doanh nghiệp khi mua cổ phần.

#### - Thực hiện cổ phần hóa

Tình hình thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Tại Công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục doanh nghiệp nhà nước hoàn thành cổ phần hóa theo từng năm giai đoạn 2017 – 2020 thì tỉnh Lạng Sơn không có doanh nghiệp nào thực hiện cổ phần hóa.

+ Công tác chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập: Thực hiện Công văn số 17/TTg-ĐMDN ngày 07/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần thuộc UBND tỉnh Lạng Sơn, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc Thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần tỉnh Lạng Sơn; Kế hoạch số 81/KH-BCĐ ngày 20/6/2019 của Trưởng Ban Chỉ đạo Thực hiện cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần đến năm 2020. Hiện nay các đơn vị thực hiện cổ phần hóa trong năm 2019 đang tiến hành xác định giá trị đơn vị chuyển đổi; xây dựng phương án chuyển đổi và bán cổ phần lần đầu theo kế hoạch.

## **2.5. Về quản lý nợ chính quyền địa phương giai đoạn 2016-2020**

Mức dư nợ vay đầu kỳ của tỉnh đảm bảo hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Hằng năm, tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch trả nợ. Bố trí nguồn để trả nợ (nguồn vượt thu ngân sách, một phần từ nguồn xây dựng cơ bản tập trung, nguồn thu tiền sử dụng đất). Đồng thời xây dựng kế hoạch xử lý nợ xây dựng cơ bản đến năm 2020 và quản lý và sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích và hiệu quả, cụ thể giai đoạn 2016-2020 như sau:

- Năm 2016: Hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương là 728.000 triệu đồng. Mức dư nợ đầu kỳ: 937.000 triệu đồng. Trả nợ gốc vay: 285.000 triệu đồng. Mức vay trong kỳ: 200.000 triệu đồng (Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam). Mức dư nợ cuối kỳ: 852.000 triệu đồng.

- Năm 2017: Hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương là 300.900 triệu đồng. Mức dư nợ đầu kỳ: 852.000 triệu đồng. Trả nợ gốc vay: 271.990 triệu đồng (Trả nợ gốc vay Ngân hàng phát triển Việt Nam). Mức vay trong kỳ: 1.841 triệu đồng (Vay lại vốn vay nước ngoài). Mức dư nợ cuối kỳ: 581.851 triệu đồng.

- Năm 2018: Hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương là 321.760 triệu đồng. Mức dư nợ đầu kỳ: 581.851 triệu đồng. Trả nợ gốc vay: 283.950 triệu đồng (Trả nợ gốc vay Ngân hàng phát triển Việt Nam). Mức vay trong kỳ: 5.203 triệu đồng (Vay lại vốn vay nước ngoài). Mức dư nợ cuối kỳ: 303.104 triệu đồng.

- Năm 2019: Hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương là 374.425 triệu đồng. Mức dư nợ đầu kỳ: 303.104 triệu đồng. Trả nợ gốc vay: 150.060 triệu đồng (Trả nợ gốc vay Ngân hàng phát triển Việt Nam). Dự kiến mức vay trong kỳ: 23.060 triệu đồng (Vay lại vốn vay nước ngoài). Mức dư nợ cuối kỳ: 176.104 triệu đồng.

- Năm 2020: Hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương là 448.700 triệu đồng. Mức dư nợ đầu kỳ: 176.104 triệu đồng. Trả nợ gốc vay: 92.000 triệu đồng (Trả nợ gốc vay Ngân hàng phát triển Việt Nam). Dự kiến mức vay trong kỳ: 53.700 triệu đồng (Vay lại vốn vay nước ngoài). Mức dư nợ cuối kỳ: 137.804 triệu đồng.

## **III. NHỮNG HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN**

### **1. Hạn chế, khó khăn vướng mắc**

#### **1.1. Về thu ngân sách**

- Số thu ngân sách vẫn chưa tương xứng với tiềm năng phát triển kinh tế của tỉnh trong giai đoạn vừa qua; thu từ sản xuất trên tổng thu chiếm tỉ lệ thấp và chưa được cải thiện, ý thức chấp hành chính sách, pháp luật về thuế của một số tổ chức, cá nhân còn hạn chế; một số lĩnh vực thu còn xảy ra thất thu thuế ảnh hưởng đến kết quả thực hiện tổng thu ngân sách nhà nước so với dự toán được giao.

- Trong cơ cấu thu, còn có khoản thu từ doanh nghiệp nhà nước ngoài quốc doanh liên tục trong 02 năm của giai đoạn thu không đạt dự toán giao, cụ thể năm 2017 dự toán giao là 425,9 tỷ đồng, thực hiện 354,9 tỷ đồng, đạt 83,3% dự toán giao; năm 2018 dự toán giao là 440 tỷ đồng, thực hiện 398,5 tỷ đồng, đạt 90,6% dự toán giao; khoản thu từ DNNN Trung ương hai năm đầu giai đoạn không đạt dự toán cụ thể năm 2016 dự toán giao là 230 tỷ đồng, thực hiện 198,6 tỷ đồng, đạt 86,4% dự toán giao; năm 2017 dự toán giao là 280 tỷ đồng, thực hiện 199,4 tỷ đồng, đạt 71,2% dự toán giao.

- Thu xuất nhập khẩu 03 năm liên tục không đạt dự toán giao, gồm năm 2016 dự toán giao là 6.500 tỷ đồng, thực hiện 4.422,9 tỷ đồng, đạt 68,0% dự toán giao năm 2017 dự toán giao là 5.500 tỷ đồng, thực hiện 4.867 tỷ đồng, đạt 88,5% dự toán giao; năm 2018 dự toán giao là 4.100 tỷ đồng, thực hiện 2.803,4 tỷ đồng, đạt 68,4%

- Hoạt động đầu tư đã chuyển biến nhưng chưa hình thành được những nguồn thu lớn, vững chắc. Nguồn thu ngân sách còn hạn chế; giao dự toán thu nội địa còn có sắc thuế chưa sát với thực tế, chưa phát huy được hết các tiềm năng, lợi thế của tỉnh để tăng thu ngân sách. Công tác quản lý đối tượng thu thuế trên một số địa bàn vẫn còn có việc, lĩnh vực để lọt doanh thu, mức thuế. Việc rà soát, phát hiện ngành nghề kinh doanh mới phát sinh, cơ sở mới kinh doanh, đối tượng chịu thuế mới đưa vào quản lý thu thuế còn chưa được triệt để.

- Công tác xử lý nợ đọng thuế tuy đã đạt kết quả, song số nợ hàng năm vẫn còn ở mức cao. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế, thu hồi nợ thuế đã được tăng cường nhưng kết quả chưa cao. Tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, trốn thuế, phí, lệ phí còn diễn ra dưới nhiều thủ đoạn ngày càng tinh vi và có chiều hướng phức tạp tại các địa điểm trọng yếu như khu vực biên giới, nhất là một số hành vi lợi dụng cơ chế chính sách thông thoáng trong quy trình nghiệp vụ để gian lận thương mại đối với một số nhóm mặt hàng có thuế suất cao.

- Thu phí hạ tầng tại khu vực cửa khẩu thường xuyên biến động, phụ thuộc nhiều vào các chính sách pháp luật của nhà nước cũng như chính sách biên mậu của phía Trung Quốc.

- Một số cấp ủy chính quyền địa phương các cấp nhất là cấp xã chưa thực sự sâu sát trong chỉ đạo tổ chức thu triệt để khai thác các nguồn thu ở địa phương, công tác chỉ đạo phối hợp trong quản lý thu thuế ở lĩnh vực quản lý phương tiện vận tải, thu thuế xây dựng trong khu dân cư chưa được thường xuyên, kịp thời.

## 1.2. Về chi ngân sách

- Ngân sách Trung ương giao thực hiện trong thời kỳ ổn định trung hạn chưa phản ánh được đầy đủ các yếu tố thay đổi về chính sách chế độ, nhiệm vụ cũng như yếu tố về giá cả thị trường trong giai đoạn nên khó khăn trong cân đối và điều hành ngân sách địa phương. Việc thực hiện cơ chế các đơn vị tự chủ còn vướng mắc về hệ thống văn bản của trung ương chưa đồng bộ trong hướng dẫn, chậm so với yêu cầu triển khai.

- Trong quản lý, sử dụng ngân sách cũng như tài sản công ở một số cấp ngân sách, đơn vị, lĩnh vực còn tồn tại vi phạm, thiếu sót cần khắc phục, gây lãng phí cho ngân sách nhà nước... Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của một số nơi còn mang tính hình thức và thực hiện thiếu đồng bộ.

- Công tác quy hoạch, trật tự đô thị một số nơi chưa đồng bộ, chặt chẽ; công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư vẫn còn nhiều khó khăn... vẫn còn việc xác định quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế trong xây dựng cơ bản chưa hợp lý, làm tăng tổng mức đầu tư, khó khăn cho công tác bố trí vốn, điều hòa thanh toán.

- Một số đơn vị dự toán ngân sách tỉnh và huyện, thành phố chưa chủ động phân bổ hết dự toán các chế độ, chính sách ngay từ đầu năm; chưa quản lý chặt chẽ nguồn thu cũng như có giải pháp khắc phục đầy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn, việc chuyển nguồn sang các năm tiếp còn lớn.

- Việc rà soát một số cơ chế chính sách, quy định chế độ quản lý tài chính để đánh giá kết quả và điều chỉnh còn thiếu kịp thời; việc hướng dẫn công tác quản lý tài chính ở một số cơ sở còn chưa được thường xuyên; một bộ phận cán bộ, công chức làm công tác tài chính còn hạn chế về năng lực, chưa đáp ứng được yêu cầu.

## **2. Nguyên nhân**

### **2.1. Về thu ngân sách**

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cũng như việc thu hút các nhà đầu tư còn hạn chế; công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng còn chậm; chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế.

- Các doanh nghiệp Trung ương trên địa bàn thực hiện hạch toán phụ thuộc, phân bổ số thuế nộp theo Tổng công ty và không ổn định trong những năm gần đây do thay đổi một số chính sách và văn bản về hạch toán chi phí. Do vậy thu từ khu vực doanh nghiệp địa phương giảm.

- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tình hình tài chính của các doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn, sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong tỉnh còn hạn chế.

- Một số doanh nghiệp ý thức chấp hành pháp luật thuế còn hạn chế, cố tình chiếm dụng tiền thuế của Nhà nước; nhiều cá nhân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp còn nợ thuế nhưng đã ngưng hoạt động, bỏ địa chỉ kinh doanh gây khó khăn trong công tác thu hồi nợ.

- Thất thu thuế chủ yếu từ hộ kinh doanh khoán trong lĩnh vực, dịch vụ, buôn bán, kinh doanh vận tải, cho thuê tài sản, kinh doanh thương mại điện tử, trong đó:

Kinh doanh vận tải tư nhân: Hộ kinh doanh không kê khai, nộp thuế, nhiều phương tiện đăng ký ngoài tỉnh khó quản lý, hằng năm Đoàn liên ngành đã tổ chức chống thất thu đối với hoạt động kinh doanh vận tải, tuy nhiên hộ

kinh doanh chỉ chấp hành khi có đoàn kiểm tra, khi kết thúc đợt kiểm tra, hộ kinh doanh lại báo nghỉ không kinh doanh và không nộp thuế.

Cho thuê tài sản: Số lượng hộ cho thuê tài sản trên địa bàn phát sinh tương đối nhiều, tuy nhiên vẫn bỏ sót, chưa quản lý được hết do, đa phần hộ kinh doanh cho thuê tài sản kê khai doanh thu thuê nhà thấp hơn thực tế, kê khai doanh thu ở mức không đến ngưỡng nộp thuế (dưới 100 triệu/năm), không xuất hóa đơn khi thu tiền dẫn đến khó khăn trong việc xác định doanh thu tính thuế. Chưa có quy định chung mức giá áp dụng trên toàn tỉnh.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu phụ thuộc nhiều vào các chính sách pháp luật của Nhà nước cũng như chính sách của phía Trung Quốc. Nhiều dòng hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ Trung Quốc cơ bản có mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt giảm về 0% theo lộ trình cắt giảm thuế quan của nhóm nước tham gia và thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN-Trung Quốc giai đoạn 2018 -2022 (Nghị định số 153/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính Phủ); một số nhóm hàng hóa không phát sinh kim ngạch nhập khẩu do thuộc đối tượng chịu thuế Chống bán phá giá, Thuế tự vệ; nhóm hàng xuất khẩu có thuế suất chiếm tỷ trọng rất nhỏ, cụ thể:

Năm 2016 giảm chủ yếu là ở nhóm hàng quặng các loại, thép (giảm 40,8% so với năm 2015, tương ứng với 152 tỷ, do thay đổi chính sách) và phương tiện vận tải (Ô tô ) của các doanh nghiệp tập trung nhập khẩu năm 2015 đã bão hòa, năm 2016 chủ yếu là tiêu thụ hàng tồn; năm 2017, 2018 các doanh nghiệp nhập khẩu một lượng lớn nhóm mặt hàng máy móc, ô tô trong năm 2016, đến 2017, 2018 thị trường đã bão hòa và chủ yếu tiêu thụ hàng tồn. Mặt khác, theo quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới phải áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức 4 (EURO 04) đã buộc các doanh nghiệp phải tạm ngừng nhập khẩu chờ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và một số quy định mới trong văn bản hướng dẫn của Trung ương đối với hàng hóa xuất nhập khẩu cũng ảnh hưởng đến lượng hàng hóa xuất nhập khẩu qua địa bàn. Việc hạn chế trong tiêu thụ hàng hóa, không thu hồi được công nợ cũng dẫn đến nợ thuế. Với chính sách điều tiết biên mậu của Trung Quốc và một số quy định thay đổi về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới cũng như điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô, các mặt hàng xe ô tô giảm mạnh. Đồng thời tiếp tục thực hiện các chương trình cắt giảm, ưu đãi thuế theo lộ trình hội nhập quốc tế, cũng ảnh hưởng mạnh đến giảm dự toán thu đối với lĩnh vực hoạt động xuất nhập khẩu.

- Một số doanh nghiệp khai thác khoáng sản do điều chỉnh sản lượng khai thác, điều chỉnh số tiền phải nộp ngân sách; hoạt động doanh nghiệp vẫn còn nhiều khó khăn, số doanh nghiệp ngừng kinh doanh có chiều hướng gia tăng; Việc tiếp cận các chính sách phát triển, các yếu tố đầu tư kinh doanh như: Mặt bằng sản xuất, kinh doanh, vốn vay từ các tổ chức tín dụng vẫn còn hạn chế, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa.



- Công tác thu hồi nợ đọng thuế gặp nhiều khó khăn bởi nhiều doanh nghiệp thực sự chây ỳ, cố tình không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, một số doanh nghiệp có dấu hiệu trốn thuế hoặc không hợp tác với các cơ quan chức năng trong việc thu hồi nợ thuế, bỏ trốn, mất tích.

## 2.2. Về chi ngân sách

- Do Lạng Sơn là một tỉnh miền núi, biên giới, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, nguồn lực cho đầu tư phát triển còn rất hạn chế. Việc huy động các nguồn vốn bổ sung cho đầu tư phát triển chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tuy tăng qua các năm, nhưng vẫn còn đạt thấp, nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp hằng năm chỉ đáp ứng được khoảng 20% nhu cầu chi ngân sách địa phương.

- Một số đơn vị chưa chủ động phân bổ hết dự toán, các chế độ, chính sách ngay từ đầu năm hoặc phân bổ dự toán còn chưa đúng với nội dung nhiệm vụ chi ngân sách; dẫn đến công tác giải ngân thường dồn vào cuối năm mới thanh toán.

- Một số cơ chế, chính sách của Nhà nước còn vướng mắc do sự bất cập, không đồng bộ như việc thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, việc ban hành nghị định triển khai trên các lĩnh vực thực hiện chậm, không có văn bản hướng dẫn cụ thể; văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ của một số bộ ngành Trung ương còn chung chung chưa cụ thể chi tiết.

- Một số cán bộ kế toán của đơn vị sử dụng ngân sách nhất là cấp xã chưa tự nghiên cứu các văn bản thực hiện quy định theo Luật Ngân sách năm 2015, chưa nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, chưa tham mưu kịp thời cho thủ trưởng đơn vị trong quản lý Ngân sách nhà nước.

- Định mức chi thường xuyên giai đoạn 2017 - 2020 được áp dụng cho cả thời kỳ ổn định ngân sách (04 năm), kinh phí phân bổ chỉ phù hợp với tình hình thực hiện nhiệm vụ trong những năm đầu của thời kỳ ổn định, nhưng càng về cuối thời kỳ càng gặp nhiều khó khăn do không được điều chỉnh để bù đắp trượt giá; trong thời kỳ ổn định ngân sách Trung ương sửa đổi, bổ sung nhiều chế độ chính sách mới liên quan đến chi ngân sách địa phương, trong đó chỉ bổ sung tăng chế độ tiền lương, phụ cấp, không bổ sung chi khác; Quỹ tiền lương tăng qua các năm, bên cạnh đó do ảnh hưởng của sự biến động giá cả thị trường, dẫn đến các khoản chi khác ngày một giảm; kinh phí nâng bậc lương hằng năm phát sinh lớn đã làm ảnh hưởng đến các khoản chi khác đối với thời kỳ ổn định ngân sách. Một số chế độ, chính sách Trung ương ban hành quy định chung, tính quy định chi tiết, nguồn kinh phí do địa phương tự đảm bảo. Nguồn chi khác hạn hẹp nên chưa dành được nguồn kinh phí để thực hiện duy tu, bảo dưỡng thường xuyên tài sản là nhà cửa, máy móc, nên nhiều cơ sở xuống cấp không có nguồn kinh phí thực hiện cải tạo...

## IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự giám sát chặt chẽ của HĐND tỉnh; sự nỗ lực, cố gắng của các sở, ban,

ngành, UBND các huyện, thành phố, sự đồng lòng của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong công tác quản lý, điều hành và thực hiện dự toán thu, chi NSNN.

2. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, các Luật thuế sửa đổi, bổ sung... và các văn bản của Trung ương về công tác kế toán, tài chính, thu, chi ngân sách nhà nước...trên địa bàn tỉnh gắn với công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

3. Xây dựng và ban hành hành cơ chế chính sách của tỉnh phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện nguồn thu ngân sách. Trong xây dựng định mức chi thường xuyên, phân cấp nguồn thu nhiệm vụ chi giai đoạn mới, xây dựng chế độ chính sách cần đánh giá kỹ các lĩnh vực, khai thác triệt để các thế mạnh của từng lĩnh vực để ban hành các chính sách đảm bảo tính thực tiễn; tăng tính chủ động cho các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích chính quyền cơ sở trong việc chăm lo nuôi dưỡng, khai thác nguồn thu, góp phần tạo nguồn thu NSNN trên địa bàn.

4. Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về quản lý thu ngân sách nhà nước, trọng tâm là thuế và hải quan; chủ động xử lý các tác động đến nguồn thu ngân sách. Phát huy tốt vai trò Ban Chỉ đạo thu ngân sách nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện. Đẩy mạnh các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí, thời gian cho người dân, doanh nghiệp.

5. Điều hành chi ngân sách chủ động, linh hoạt đảm bảo đúng định mức, chế độ từ khâu phân bổ dự toán cho đến thực hiện; công khai, minh bạch trong phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước. Tăng cường kỷ luật tài chính, điều hành ngân sách chặt chẽ, triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách, rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết. Từng bước cơ cấu lại ngân sách gắn với sắp xếp, tinh gọn bộ máy hoạt động trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Khắc phục đầu tư không tập trung, dàn trải; các chương trình dự án đầu tư công phải gắn liền với việc thực hiện các chỉ tiêu chính để phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, gắn với giảm nghèo bền vững trong kế hoạch 5 năm mà tỉnh đã xác định; Kế hoạch đầu tư công trung hạn có phạm vi rộng do vậy cần đánh giá đầy đủ về khả năng thu và chi từ ngân sách nhà nước cả chi đầu tư và chi thường xuyên cho cả thời kỳ trung hạn được thể hiện đầy đủ trong một kế hoạch tài chính trung hạn.

7. Chú trọng trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện các dự án đầu tư, giải ngân vốn đầu tư phát triển. Dữ liệu kiểm tra quá trình thực hiện sẽ cung cấp cho người quản lý những vấn đề còn hạn chế, để phân tích và đưa ra những giải pháp đề khắc phục.

8. Thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai ngân sách các cấp, công khai tài chính tại các đơn vị dự toán, các chủ đầu tư và các quỹ theo quy định.

9. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách trong xây dựng cơ chế, chính sách và thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch trong thu, chi NSNN, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý, sử dụng tài sản công, đất đai, tài nguyên, khoáng sản,...; thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán.

## **Phần thứ hai**

### **XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025**

#### **I. DỰ BÁO NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH**

Những kết quả đạt được trong giai đoạn 2016-2020 tiếp tục là cơ sở, tiền đề thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025. Hệ thống cơ chế, chính sách ngày càng hoàn thiện, đồng bộ là nhân tố tác động tích cực đến kết quả thu hút nguồn lực của các thành phần kinh tế cho đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, tạo năng lực sản xuất mới, nâng cao sức cạnh tranh; công tác cải cách hành chính, chống tham nhũng, lãng phí được đẩy mạnh, trách nhiệm các cấp, ngành, công chức trong thực thi nhiệm vụ được nâng lên, môi trường đầu tư tiếp tục được cải thiện sẽ đảm bảo tính khả thi trong việc triển khai các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Bên cạnh những thuận lợi trong giai đoạn 2021-2025 là cơ bản, tỉnh còn có những yếu tố khó khăn, rủi ro phát sinh tác động đến kế hoạch tài chính 5 năm tới như sau:

- Lạng Sơn là tỉnh miền núi, biên giới, nguồn thu ngân sách điều tiết theo phân cấp còn thấp, hạ tầng cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhất là kết cấu hạ tầng cho nông nghiệp và nông thôn; các doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chưa có những doanh nghiệp, xí nghiệp lớn; việc thiếu mặt bằng sản xuất, chất lượng nguồn nhân lực thấp, vị trí ít thuận lợi cho thu hút đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp nên chưa tạo ra được sự tăng trưởng cao, nguồn thu lớn và ổn định. Hoạt động kinh doanh chủ yếu là thương mại, xuất nhập khẩu không ổn định do phụ thuộc vào chính sách biên mậu của Trung Quốc. Công tác quản lý hàng hóa, giá cả đối với hàng hóa Trung Quốc còn gặp nhiều khó khăn. Tình hình kinh doanh của các hộ kinh tại các chợ ngày càng bão hòa, doanh thu giảm sút...

- Quy mô kinh tế còn nhỏ, sức cạnh tranh chưa cao; tăng trưởng kinh tế còn thiếu bền vững, phụ thuộc nhiều vào cơ chế, chính sách điều hành, điều tiết của Trung ương và các yếu tố khách quan khác tác động trực tiếp đến quy mô nguồn thu của tỉnh.

- Đời sống nhân dân ở các vùng sâu, biên giới còn nhiều khó khăn; vấn đề giải quyết việc làm còn hạn chế. Tình hình thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai, nguy cơ dịch bệnh có thể xảy ra cũng là yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế và đời sống nhân dân địa phương.

## **II. DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ, CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

Dự báo tình hình kinh tế, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu của địa phương giai đoạn 2021-2025 (bao gồm 13 chỉ tiêu), cụ thể như sau:

1. Tổng sản phẩm trong nước (GRDP) theo giá hiện hành giai đoạn 2021-2025: 276.270.000 triệu đồng.
2. Tốc độ tăng trưởng (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025: từ 8% trở lên.
3. Phân đầu đến năm 2025, cơ cấu kinh tế: Nông, lâm, ngư nghiệp: 16,4%; công nghiệp, xây dựng: 25,6%; dịch vụ: 53,4%.
4. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn giai đoạn 2021-2025: 173.200.000 triệu đồng.
5. Tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2021-2025: 15.000 triệu USD.
6. Tổng kim ngạch nhập khẩu giai đoạn 2021-2025: 12.600 triệu USD.
7. Dân số đến năm 2025: 821,4 nghìn người.
8. Thu nhập bình quân đầu người năm 2025: 83,9 triệu đồng.
9. Giải quyết việc làm mới cho 70.000 lao động.
10. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2025: 65%.
12. Giảm tỷ lệ hộ nghèo hằng năm: 1,5%/năm.
13. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025: 115 xã.

*(Chi tiết các chỉ tiêu tại Biểu số 01 Kèm theo).*

## **III. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH 2021-2025**

### **1. Về thu ngân sách nhà nước**

Dự kiến giai đoạn 2021-2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 35.374,4 tỷ đồng, trong đó thu nội địa là 15.648 tỷ đồng, thu xuất nhập khẩu đạt 19.726,4 tỷ đồng. Cụ thể thực hiện qua các năm như sau:

- Năm 2021: Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 6.236 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 2.666 tỷ đồng, thu xuất nhập khẩu là 3.570 tỷ đồng.

- Năm 2022: Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 6.514,5 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 2.766 tỷ đồng, thu xuất nhập khẩu là 3.748,5 tỷ đồng.

- Năm 2023: Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 6.851,9 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 2.916 tỷ đồng, thu xuất nhập khẩu là 3.935,9 tỷ đồng.

- Năm 2024: Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 7.382,7 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 3.250 tỷ đồng, thu xuất nhập khẩu là 4.132,7 tỷ đồng.

- Năm 2025: Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 8.389,3 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 4.050 tỷ đồng, thu xuất nhập khẩu là 4.339,3 tỷ đồng.

Tốc độ tăng thu nội địa bình quân: 8,1%.

## **2. Về chi ngân sách địa phương**

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện giai đoạn 2021-2025 là 65.330,2 tỷ đồng, tăng 19,9% giai đoạn 2016-2020. Trong đó: Chi đầu tư phát triển: 9.350,0 tỷ đồng; chi thường xuyên: 38.415,9 tỷ đồng; chi trả nợ lãi vay: 16,9 tỷ đồng. Cụ thể:

- Tổng chi ngân sách địa phương năm 2021 là 11.872,7 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển: 1.810,0 tỷ đồng; chi thường xuyên: 7.007,1 tỷ đồng; chi trả nợ lãi chính quyền vay: 2,9 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 là 12.299,6 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển: 1.810,0 tỷ đồng; chi thường xuyên: 7.143,1 tỷ đồng; chi trả nợ lãi chính quyền vay: 3,8 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương năm 2023 là 12.903,0 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển: 1.810,0 tỷ đồng; chi thường xuyên: 7.571,7 tỷ đồng; chi trả nợ lãi chính quyền vay: 3,436 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương năm 2024 là 13.551,8 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển: 1.810,0 tỷ đồng; chi thường xuyên: 8.026,0 tỷ đồng; chi trả nợ lãi chính quyền vay: 3,410 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 là 14.703,1 tỷ đồng, trong đó: Chi đầu tư phát triển: 2.110,0 tỷ đồng; chi thường xuyên: 8.668,1 tỷ đồng; chi trả nợ lãi chính quyền vay: 3,383 tỷ đồng.

## **3. Các chỉ tiêu về quản lý nợ**

Dự kiến giai đoạn 2021-2025, các chỉ tiêu về nợ chính quyền địa phương cụ thể như sau:

- Năm 2021: Hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương là 373.575 triệu đồng. Mức dư nợ đầu kỳ: 137.804 triệu đồng. Trả nợ gốc vay: 55.223 triệu đồng. Mức vay trong kỳ: 69.753 triệu đồng. Mức dư nợ cuối kỳ: 152.334 triệu đồng.

- Năm 2022: Hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương là 388.675 triệu đồng. Mức dư nợ đầu kỳ: 152.334 triệu đồng. Trả nợ gốc vay: 1.313 triệu đồng. Mức vay trong kỳ: 42.474 triệu đồng. Mức dư nợ cuối kỳ: 193.495 triệu đồng.

- Năm 2023: Hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương là 528.559 triệu đồng. Mức dư nợ đầu kỳ: 193.495 triệu đồng. Trả nợ gốc vay: 1.313 triệu đồng. Mức dư nợ cuối kỳ: 192.182 triệu đồng.

- Năm 2024: Hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương là 588.856 triệu đồng. Mức dư nợ đầu kỳ: 192.182 triệu đồng. Trả nợ gốc vay: 1.313 triệu đồng. Mức dư nợ cuối kỳ: 190.869 triệu đồng.

- Năm 2025: Hạn mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương là 740.518 triệu đồng. Mức dư nợ đầu kỳ: 190.869 triệu đồng. Trả nợ gốc vay: 1.313 triệu đồng. Mức dư nợ cuối kỳ: 189.556 triệu đồng.

#### **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Để thực hiện hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kế hoạch tài chính 5 năm, giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Lạng Sơn đề ra các giải pháp thực hiện để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo như sau:

1. Đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh, duy trì ổn định và tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, nhất là khu vực doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp vừa và nhỏ; quyết liệt chỉ đạo công tác thu ngân sách; quản lý, điều hành chi ngân sách theo dự toán, chặt chẽ, tiết kiệm:

2. Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật NSNN, các Luật thuế sửa đổi, bổ sung và nhiệm vụ thu NSNN theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và các văn bản hướng dẫn; không ban hành các chính sách làm giảm nguồn thu ngân sách.

- Triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về quản lý thu ngân sách nhà nước, trọng tâm là thuế và hải quan; chủ động xử lý các tác động đến nguồn thu ngân sách, hằng năm quyết tâm thu đạt và vượt dự toán giao.

- Đẩy mạnh các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí, thời gian cho người dân, doanh nghiệp; quyết liệt chỉ đạo chống thất thu thuế nhất là trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, đất đai, tài nguyên khoáng sản, các đối tượng nộp thuế theo hình thức khoán; tăng cường kiểm tra, kiểm soát xác định giá tính thuế hải quan, chống chuyển giá, giảm nợ đọng thuế; điều chỉnh, bổ sung (nếu có) đối với các chính sách về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền; bao quát các nguồn thu, đơn giản thủ tục hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư, tạo thuận lợi cho các đối tượng nộp thuế; tăng cường thu ngân sách từ hộ kinh tế cá thể.

- Thực hiện tốt công tác rà soát quỹ đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh, tăng cường thu nợ tiền sử dụng đất; gắn với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và phát triển kinh tế xã hội; tiếp tục thực hiện tốt công tác đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ở những khu vực, địa bàn còn tiềm năng, góp phần tăng thêm nguồn lực cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng.

- Tăng cường quản lý đối với công tác thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng, công trình, dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu qua địa bàn, cửa khẩu thuộc tỉnh Lạng Sơn.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư để sớm đưa vào khai thác, tạo doanh thu; tăng cường gỡ gỡ, trao đổi, đối thoại với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp. Tăng cường hoàn thiện kết cấu hạ tầng các cửa khẩu, lối mở để nâng cao năng lực thông quan; chủ động các biện pháp hạn chế ùn tắc phương tiện và hàng hóa tại các khu vực cửa khẩu; phát triển thương mại gắn với du lịch, quảng bá sản phẩm.

- Tăng cường công khai thông tin những người nộp thuế cố tình chây ì, dậm dora nợ thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện các biện pháp xác minh thông tin, cưỡng chế đối với chủ doanh nghiệp trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với NSNN theo quy định của pháp luật.

3. Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về định mức chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2021 và thời kỳ ổn định ngân sách năm 2021-2025; phân cấp nguồn thu nhiệm vụ chi năm 2021 và thời kỳ ổn định ngân sách 2021-2025; chỉ đạo các sở, ban, ngành, các cấp ngân sách về thực hiện những giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm.

4. Tăng cường đổi mới trong công tác lập, phân bổ dự toán NSNN theo hướng tinh giản biên chế, khuyến khích tiết kiệm chi, khuyến khích tăng thu ở những nơi có nguồn thu để thực hiện nhiệm vụ chi; giảm chi thường xuyên và tăng chi cho đầu tư phát triển.

5. Đổi mới công tác lập và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư đảm bảo theo quy trình, quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, phù hợp với khả năng nguồn lực của tỉnh.

6. Đẩy mạnh công tác phát triển doanh nghiệp; tăng cường công tác xúc tiến đầu tư; mời gọi, thu hút đầu tư các dự án đầu tư ngoài ngân sách và dự án theo hình thức hợp tác công tư PPP nhằm tạo nguồn thu, giảm áp lực cho ngân sách nhà nước.

7. Thực hiện rà soát các dự án để bố trí kế hoạch vốn thanh toán nợ xây dựng cơ bản giai đoạn 2016-2020 trên nguyên tắc, thứ tự ưu tiên và chỉ đạo của Chính phủ, bộ, ngành Trung ương; bố trí thanh toán dứt điểm trong 02 năm đầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

8. Nâng cao hiệu quả chi tiêu công, thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính – ngân sách. Phổ biến tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí trong các cơ quan, tổ chức và toàn thể xã hội, tiếp tục cơ cấu chi ngân sách nhà nước theo tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển, đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa chi thường xuyên, chi đầu tư và trả nợ. Sử dụng dự phòng ngân sách, quỹ dự trữ tài chính theo quy định của Luật NSNN.

9. Đề xuất các giải pháp trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả theo đúng tiêu chuẩn, chế độ, định mức quy định; rà soát các chế độ, chính sách an sinh xã hội, chú trọng các khoản chi cho con người để đảm bảo chi đúng đối tượng; đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành; hạn chế tạm ứng ngân sách và chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau.

10. Tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội cho đầu tư phát triển; điều hành sử dụng nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất của các huyện thành phố với định mức, tỷ lệ cụ thể để chi cho những nhiệm vụ ưu tiên. Tổ chức thẩm

tra quyết toán các dự án đầu tư hoàn thành theo phân cấp quản lý đầu tư hiện hành đảm bảo thời gian, quy định của nhà nước.

11. Đẩy mạnh cải cách khu vực sự nghiệp công kết hợp với xã hội hóa, thực hiện lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí. Tăng cường quản lý cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công, làm cơ sở cơ cấu lại các lĩnh vực chi ngân sách nhà nước.

12. Theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả thị trường, kiên quyết xử lý những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về giá; tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, kiểm soát tốt nguồn thu cổ phần hóa, nâng cao hiệu quả động của DNNN; tiếp tục đề xuất các giải pháp trong quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công nhất là đối với tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công, tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội.

13. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách trong xây dựng cơ chế, chính sách và thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng ngân sách; nâng cao vai trò và năng lực quản lý, điều hành về tài chính ngân sách của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là công chức làm công tác tài chính, kế toán nhằm đảm bảo thực hiện đúng các chuẩn mực kế toán hiện hành và yêu cầu quản lý theo quy định; thực hiện chế độ công khai tài chính- ngân sách đầy đủ đối với tất cả các cấp, các cơ quan, đơn vị các tổ chức và doanh nghiệp; thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán.

UBND tỉnh Lạng Sơn trân trọng báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, cho ý kiến bằng văn bản để tỉnh tiếp thu, hoàn chỉnh và có cơ sở trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, KH&ĐT;
- Cục Thuế; Cục Hải quan tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CV;
- Lưu: VT, KTTH(LTH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Công Trường**